

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 204/2026/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị Y, sinh năm: 1968;

2. Ông Trần Quang T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số nhà F đường Q, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Y và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai) vào năm 1998. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng nhưng không hàn gắn được mâu thuẫn. Vợ chồng tuy vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân nhau về mặt tình cảm từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay, ông bà đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Y và ông T thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Bà Y và ông T có 02 con chung là cháu Trần Thắm T1, sinh ngày 25/11/1998 và cháu Trần Uyên B, sinh ngày 22/3/2004. Các cháu đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Bà Y và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Bà Y và ông T thỏa thuận bà Y chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của ông bà nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Y và ông Trần Quang T.

- Về con chung: Bà Y và ông T có 02 con chung là cháu Trần Thắm T1, sinh ngày 25/11/1998 và cháu Trần Uyên B, sinh ngày 22/3/2004. Các cháu đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Y, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Y chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000745 ngày 28/01/2026, bà Y đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã P, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh